

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số /PA-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

PHƯƠNG ÁN

Tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN:

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ Quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Căn cứ Quyết định số QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt Kết quả Đề án: Điều tra, đánh giá, khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến 2040.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát:

- Tăng tỷ lệ sử dụng nước từ các công trình cấp nước tập trung đảm bảo chất lượng, khối lượng nước.

- Hạn chế sự suy giảm về số lượng, chất lượng nguồn nước so với trạng thái tự nhiên hoặc so với trạng thái của nguồn nước đã được quan trắc trong các thời kỳ trước đó.

- Hạn chế việc khai thác nước dưới đất quá mức dẫn đến cạn kiệt nguồn nước làm cho nguồn nước không còn khả năng đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng và duy trì hệ sinh thái thủy sinh

2. Mục tiêu cụ thể:

- Trung bình hàng năm dừng khai thác, trám lấp từ 15-20% số lượng công trình khai thác hiện có tại các khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung hoặc tại các khu vực liền kề đã có điểm đầu nối của hệ thống cấp nước tập trung.

- Đến năm 2030 dừng khai thác, trám lấp toàn bộ số lượng công trình khai thác hiện có còn lại tại các khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung hoặc tại các khu vực liền kề đã có điểm đầu nối của hệ thống cấp nước tập trung

3. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất:

a) Bảo đảm yêu cầu bảo vệ nguồn nước dưới đất, đồng thời phải bảo đảm hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm cả việc bồi thường thiệt hại, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) trong trường hợp bị thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật;

b) Tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp hạn chế khai thác được áp dụng cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực hạn chế và thứ tự thực hiện đối với từng đối tượng, trường hợp theo quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ. Không áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất khác với các biện pháp quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ;

c) Ưu tiên cho việc cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai;

d) Thực hiện theo phương án, lộ trình phù hợp được phê duyệt, đảm bảo không gây gián đoạn việc cấp nước.

4. Trường hợp phát hiện việc khoan định hoặc áp dụng các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất không phù hợp với các tiêu chí quy định của Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ thì phải tạm dừng việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp đó để rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

III. Nội dung Phương án hạn chế khai thác nước dưới đất

1. Các công trình khai thác nước trong các khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất

Đề án đã khoan định được các khu vực thuộc các vùng hạn chế 1, hạn chế 2, hạn chế 3, hạn chế 4 và vùng hạn chế hỗn hợp, cụ thể như sau:

a) *Vùng hạn chế 1: (Vùng cấm theo quy định của Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT)* bao gồm 25 khu vực, trong đó: 01 khu vực xung quanh bãi rác/bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung, 24 khu vực xung quanh giếng khai thác nước dưới đất bị ô nhiễm.

Địa bàn	Tổng diện tích khoan định (km ²)	Số công trình khai thác tồn tại		
		Tổng công trình	Có Giấy phép	Chưa có GP
Thành phố Pleiku	8,68	24	3	21
Huyện Chư Păh	0,52	7	0	7
Huyện Ia Grai	0,39	5	0	5
Huyện Đức Cơ	0,78	5	0	5
Huyện Chư Prông	0,13	1	0	1

Huyện Chư Sê	0,39	5	0	5
Huyện Chư Puh	0,13	2	0	2
Huyện Đak Đoa	0,13	1	0	1

b) *Vùng hạn chế 2: bao gồm 10 khu vực.* Vùng hạn chế 2 là vùng có mực nước động trong giếng khai thác vượt quá mực nước cho phép hoặc mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức, bao gồm 10 khu vực, với tổng diện tích khoanh định được là 3,43 km²

Địa bàn	Tổng diện tích khoanh định (km ²)	Số công trình khai thác tồn tại		
		Tổng công trình	Có Giấy phép	Chưa có GP
Thành phố Pleiku	0,26	2	0	2
Huyện Ia Grai	0,70	5	0	5
Thị xã Ayun Pa	0,84	5	0	5
Huyện Chư Prông	0,13	1	0	1
Huyện Phú Thiện	0,21	2	0	2
Huyện Chư Puh	1,16	13	0	13
Huyện Ia Pa	0,13	2	0	2

c) *Vùng hạn chế 3: bao gồm 206 khu vực.*

Vùng hạn chế 3 là vùng đã được đầu nối với hệ thống cấp nước tập trung có chức năng cấp nước sinh hoạt hoặc chưa được đầu nối nhưng có điểm đầu nối liền kề của hệ thống cấp nước tập trung và sẵn sàng để cung cấp nước sạch đảm bảo nhu cầu sử dụng nước về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước, với tổng diện tích khoanh định được là 338,45 km².

Địa bàn	Tổng diện tích khoanh định (km ²)	Số công trình khai thác tồn tại		
		Tổng công trình	Có Giấy phép	Chưa có GP
Thị xã An Khê	70,85	216	0	216
Huyện Chư Păh	5,24	4	0	4
Huyện Chư Prông	13,78	84	0	84
Huyện Chư Puh	0,39			
Huyện Chư Sê	9,23	72	1	71
Huyện Đức Cơ	5,66	560	0	560
Huyện Ia Grai	11,53			
Huyện Ia Pa	11,64	13	0	13
Huyện Kông Chro	14,41	4	0	4

Huyện Krông Pa	7,79	1.221	0	1.221
Huyện Mang Yang	4,34	14	0	14
Huyện Phú Thiện	9,58	1.810	1	1.809
Thành phố Pleiku	149,59	648	7	641
Thị xã Ayun Pa	17,67	586	2	584
Huyện Đăk Đoa	6,75	28	2	26

d) Vùng hạn chế 4:

Khu dân cư, khu công nghiệp tập trung không thuộc vùng hạn chế 3 và cách nguồn nước mặt có chức năng cấp nước sinh hoạt không quá 1.000m, xung quanh khu vực Biên Hồ với tổng diện tích khoanh định được là 14,85 km².

Địa bàn	Tổng diện tích khoanh định (km ²)	Số công trình khai thác tồn tại		
		Tổng công trình	Có Giấy phép	Chưa có GP
Huyện Chư Păh	14,21	31	0	31
Huyện Đak Đoa	0,64	4	0	4

e) Vùng hạn chế hỗn hợp: bao gồm 09 khu vực.

Sau khi khoanh định các vùng hạn chế 1, 2, 3 và 4 đã xác định các vùng hạn chế hỗn hợp là các khu vực mà các vùng hạn chế 1, 2, 3 và 4 chồng lẫn nhau. Các vùng hạn chế hỗn hợp ở tỉnh Gia Lai bao gồm các vùng như sau:

- Vùng hạn chế hỗn hợp chồng lẫn giữa vùng hạn chế 1 và vùng hạn chế 3 phân bố một số khoảnh nhỏ ở thành phố Pleiku với tổng diện tích khoanh định là 3,83 km².

- Vùng chồng lẫn giữa vùng hạn chế 2 và vùng hạn chế 3 khoảnh phân bố hạn hữu ở khu vực phía tây nam TP. Pleiku với tổng diện tích khoanh định là 0,26 km².

Địa bàn	Tổng diện tích khoanh định (km ²)	Số công trình khai thác tồn tại		
		Tổng công trình	Có Giấy phép	Chưa có GP
Thành phố Pleiku	4,09	25	0	25

2. Các biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 1:

a) Đối với các khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung theo quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường; Khu vực có giếng khai thác nước dưới đất bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và sinh vật mà chưa có giải pháp công nghệ để xử lý để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt; Khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước dưới đất thì dừng mọi hoạt động khai thác nước dưới đất và xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

b) Đối với các khu vực liền kề có bán kính 1.000m kể từ đường biên của khu vực có bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung theo quy định của pháp luật về quy

hoạch, xây dựng và bảo vệ môi trường thì không cấp phép thăm dò, khai thác để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác đối với các công trình hiện có được quy định như sau:

- Trường hợp công trình không có giấy phép, bên cạnh việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật còn phải dừng hoạt động khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho các mục đích sử dụng cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai mà thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp công trình có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và chỉ gia hạn, điều chỉnh, cấp lại đối với công trình cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai nếu đủ điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

3. Các biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 2:

a) Không cấp mới giấy phép thăm dò, khai thác;

b) Trường hợp công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình khai thác để cấp nước cho mục đích sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp công trình đã có giấy phép thì tạm dừng khai thác theo quy định đối với các giếng có mực nước động vượt quá mực nước động cho phép và điều chỉnh chế độ khai thác hoặc giảm lưu lượng khai thác tại giếng đó cho phù hợp.

4. Các biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 3:

a) Không cấp mới giấy phép thăm dò, khai thác;

b) Công trình hiện hữu không có giấy phép thì dừng khai thác và trám lấp giếng theo quy định;

c) Trường hợp công trình không có giấy phép thì dừng khai thác và thực hiện việc trám lấp giếng theo quy định, trừ trường hợp công trình khai thác để cấp nước cho mục đích sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì được cấp giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi chấp hành các quy định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

d) Đối với công trình đã có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và tiếp tục được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

5. Các biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 4:

a) Không cấp mới giấy phép thăm dò, khai thác có quy mô lớn hơn 10.000 m³/ngày, trừ trường hợp công trình khai thác để cấp nước cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng chống thiên tai;

b) Đối với các công trình không có giấy phép thì dừng hoạt động khai thác, được xem xét cấp giấy phép theo quy định và chỉ được khai thác khi được cấp giấy phép;

c) Đối với công trình đã có giấy phép thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép nếu đủ điều kiện được cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

6. Các biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế hỗn hợp:

Việc áp dụng các biện pháp hạn chế đối với vùng hạn chế hỗn hợp được xem xét, quyết định trên cơ sở các biện pháp hạn chế khai thác tương ứng với từng vùng hạn chế theo thứ tự từ vùng hạn chế 1, 2, 3 và 4.

IV. Lộ trình thực hiện từng biện pháp hạn chế khai thác (dự kiến):

1. Lộ trình thực hiện biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 1:

a) Đối với các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất thì dừng khai thác khi giấy phép hết hạn và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì dừng khai thác trước ngày 31/12/2022 và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

c) Đối với các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng phải cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (khai thác dưới 10m³/ngày đêm) thì dừng khai thác trước ngày 31/12/2022 và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

d) Đối với các tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp nêu trên nếu khai thác để cấp nước cho mục đích sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai thì được cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi thực hiện đầy các quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện như sau:

- Đối với công trình đã có giấy phép: Lập thủ tục gia hạn trước khi giấy phép hết hạn trước 90 (chín mươi) ngày.

- Đối với công trình chưa có giấy phép: Lập thủ tục đề nghị cấp giấy phép trước ngày 31/12/2021.

2. Lộ trình thực hiện biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 2:

a) Đối với các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất thì dừng khai thác để điều chỉnh chế độ khai thác hoặc giảm lưu lượng khai thác tại giếng đó cho phù hợp. Thời gian thực hiện trước ngày 31/12/2021.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp nêu trên nếu khai thác để cấp nước cho mục đích sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai thì được cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi thực hiện đầy các quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện như sau:

- Đối với công trình đã có giấy phép: Lập thủ tục gia hạn trước khi giấy phép hết hạn trước 90 (chín mươi) ngày.

- Đối với công trình chưa có giấy phép: Lập thủ tục đề nghị cấp giấy phép trước ngày 31/12/2021.

3. Lộ trình thực hiện biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 3:

a) Đối với các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nhưng thời hạn của giấy phép hết hạn trước ngày 31/12/2025 thì dừng khai thác khi giấy phép hết hạn và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

b) Đối với các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nhưng thời hạn của giấy phép hết hạn sau ngày 31/12/2025 thì dừng khai thác trước ngày 31/12/2025 và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

c) Đối với các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng phải cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (khai thác dưới $10\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm) thì dừng khai thác trước ngày 31/12/2025 và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

d) Đối với các tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp nêu trên nếu khai thác để cấp nước cho mục đích sinh hoạt, cấp nước phục vụ phòng, chống thiên tai thì được cấp, gia hạn giấy phép nếu đủ điều kiện để được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, sau khi thực hiện đầy các quy định của pháp luật. Thời gian thực hiện như sau:

- Đối với công trình đã có giấy phép: Lập thủ tục gia hạn trước khi giấy phép hết hạn trước 90 (chín mươi) ngày.

- Đối với công trình chưa có giấy phép: Lập thủ tục đề nghị cấp giấy phép trước ngày 31/12/2021.

4. Lộ trình thực hiện biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế 4:

Đối với các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nhưng không có giấy phép thì dừng khai thác trước ngày 31/12/2021 và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

5. Lộ trình thực hiện biện pháp hạn chế đối với Vùng hạn chế hỗn hợp:

Lộ trình hạn chế đối với vùng hạn chế hỗn hợp được xem xét, quyết định trên cơ sở các lộ trình hạn chế khai thác tương ứng với từng vùng hạn chế theo thứ tự từ vùng hạn chế 1, 2, 3 và 4.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thông báo cho các Tổ chức, cá nhân đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất về lộ trình dừng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định.

- Đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Phương án này.

2. Sở Xây dựng:

- Theo dõi, đôn đốc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch số 2202/KH-UBND ngày 28/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Tăng cường sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2020, giai đoạn đến năm 2025.

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Chủ đầu tư trong việc thẩm định thiết kế, kỹ thuật đối với các dự án đầu tư xây dựng, mở rộng công trình cấp nước tập trung.

3. Sở Công thương:

Hàng năm cập nhật các công trình năng lượng có khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc các dự án kêu gọi đầu tư mà nằm trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp phép theo đúng quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Hàng năm tiến hành kiểm tra, rà soát các công trình cấp nước tập trung nông thôn; lập kế hoạch nâng cấp, sửa chữa để đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng

- Hàng năm cập nhật các dự án nông nghiệp có khai thác, sử dụng nước dưới đất thuộc các dự án kêu gọi đầu tư mà nằm trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp phép theo đúng quy định.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

Kiểm tra, rà soát, dùng khai thác và thực hiện việc xử lý, trám lấp giếng theo quy định đối với Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp đã có hệ thống cấp nước tập trung.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 2202/KH-UBND ngày 28/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Tăng cường sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh năm 2020, giai đoạn đến năm 2025.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện các biện pháp và lộ trình hạn chế khai thác nước đất được quy định tại Phương án này. Định kỳ trước ngày 30/11 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các Sở, Ngành đề xuất kế hoạch nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước tập trung hiện có trên địa bàn để đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sinh hoạt, nước sản xuất cả về số lượng và chất lượng cho người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa; đề xuất mô hình đầu tư, quản lý, vận hành, giám sát đối với hệ thống sản xuất, cung cấp nước tập trung để vừa huy động được nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, vừa bảo đảm việc điều hành, quản lý của nhà nước, khắc phục tình trạng độc quyền trong việc cung cấp nước...

7. Các tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong việc xác định phương án, lộ trình cụ thể để thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất đối với công trình khai thác nước dưới đất do mình quản lý theo quy định.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc trám lấp giếng theo quy định.

8. Các Doanh nghiệp, đơn vị cấp nước:

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình, thời gian nâng cấp, sửa chữa, mở rộng các công trình cấp nước tập trung do mình quản lý đặc biệt là tại các khu vực chưa được đầu nối nhưng có điểm đầu nối liền kề của hệ thống cấp nước tập trung và sẵn sàng để cung cấp nước sạch, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước cả về thời gian, lưu lượng và chất lượng nước phù hợp với mục đích sử dụng nước.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nguồn nước cung cấp cho người dân, doanh nghiệp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1: 2018/BYT của Bộ Y tế.

9. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Doanh nghiệp, đơn vị cấp nước và các Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất: Trên cơ sở xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Phương án này. Định kỳ trước ngày 30/11 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Các Doanh nghiệp và các Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, chỉ đạo).

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các Doanh nghiệp, đơn vị cấp nước nghiêm túc triển khai thực hiện Phương án này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các, Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh;
- các Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất;
- Lưu VT, NL, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

**Phụ lục: Danh sách các công trình khai thác
nước dưới đất trên địa bàn tỉnh**

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng số công trình	Số công trình đã cấp phép	Số công trình chứa được cấp phép	Số công trình không thuộc đối tượng phải cấp phép
1	Huyện Ia Pa	13	0	13	0
2	Huyện Kông Chro	4	0	3	1
3	Huyện Mang Yang	14	0	0	14
4	Huyện Chư Păh	4	0	0	4
5	Huyện Kbang	331	0	0	331
6	Huyện Phú Thiện	1.810	1	4	1.805
7	Thị xã AyunPa	586	2	0	584
8	Thành phố Pleiku	648	7	0	641
9	Huyện Đak Pơ	165	0	50	115
10	Huyện Chư Sê	72	1	0	71
11	Huyện Đrúc Cơ	560	0	0	560
12	Thị xã An Khê	216	0	0	216
13	Huyện Chư Prông	84	0	0	84
14	Huyện Đak Đoa	28	2	0	26
15	Huyện Krông Pa	1.221	0	0	1.221
Tổng cộng		5.756	13	70	5.673

